

*CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XNK THIÊN NAM  
111-121 NGÔ GIA TỰ, PHƯỜNG 02, QUẬN 10, TP.HCM  
MÃ SỐ THUẾ: 0301172041*

--- oOo ---

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2016**

## **MỤC LỤC**

|   | <b>Trang</b>   |
|---|----------------|
| <b>1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2016</b>  | <b>1 - 4</b>   |
| <b>2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh<br/>Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b> | <b>5</b>       |
| <b>3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br/>Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>           | <b>6 - 7</b>   |
| <b>4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính<br/>Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>    | <b>8 - 32</b>  |
| <b>5. Phụ lục</b>   | <b>33 - 36</b> |

\*\*\*\*\*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 01 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
(Dạng đầy đủ)**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>811,222,818,654</b> | <b>884,412,403,336</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>27,712,250,332</b>  | <b>55,657,764,290</b>  |
| 1. Tiền   | 111        |             | 9,184,250,332          | 46,042,764,290         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 18,528,000,000         | 9,615,000,000          |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> | <b>V.2</b>  | <b>40,000,000,000</b>  | <b>40,000,000,000</b>  |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | 40,000,000,000         | 40,000,000,000         |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                      | -                      |
| <b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>              | <b>130</b> |             | <b>124,007,935,212</b> | <b>111,906,538,572</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 87,366,222,212         | 91,830,500,950         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 32,753,238,276         | 17,543,165,940         |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5a        | 3,888,474,724          | 4,166,703,431          |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.6         | -                      | (1,633,831,749)        |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> | <b>V.7</b>  | <b>615,698,436,089</b> | <b>673,612,398,738</b> |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        |             | 615,698,436,089        | 674,184,758,920        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | (572,360,182)          |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>3,804,197,021</b>   | <b>3,235,701,736</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        |             | 81,005,400             | -                      |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 3,723,191,621          | 3,235,701,736          |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |             | -                      | -                      |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 01 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>265,664,876,490</b>   | <b>237,556,212,691</b>   |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>117,505,000,000</b>   | <b>90,005,000,000</b>    |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                        | -                        |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                        | -                        |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                        | -                        |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                        | -                        |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                        | -                        |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.5b        | 117,505,000,000          | 90,005,000,000           |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>51,868,518,082</b>    | <b>50,177,176,897</b>    |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.8         | 24,942,206,275           | 23,231,615,089           |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 41,721,593,966           | 39,216,388,213           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (16,779,387,691)         | (15,984,773,124)         |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                        | -                        |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                        | -                        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                        | -                        |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.9         | 26,926,311,807           | 26,945,561,808           |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 28,106,468,417           | 28,106,468,417           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (1,180,156,610)          | (1,160,906,609)          |
| <b>III Bất động sản đầu tư</b>                  | <b>230</b> | <b>V.10</b> | <b>93,791,966,591</b>    | <b>94,851,614,348</b>    |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | 107,054,750,832          | 107,054,750,832          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | (13,262,784,241)         | (12,203,136,484)         |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                        | -                        |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | -                        | -                        |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> | <b>V.2</b>  | <b>2,400,000,000</b>     | <b>2,400,000,000</b>     |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | 2,400,000,000            | 2,400,000,000            |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                        | -                        |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | -                        | -                        |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                        | -                        |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                        | -                        |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>99,391,817</b>        | <b>122,421,446</b>       |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        |             | 99,391,817               | 122,421,446              |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                        | -                        |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                        | -                        |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>1,076,887,695,144</b> | <b>1,121,968,616,027</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 01 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kê toán giữa niên độ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>771,169,481,096</b> | <b>827,591,756,936</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>697,029,731,096</b> | <b>751,702,006,936</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.11        | 28,797,149,987         | 119,494,207,403        |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.12        | 58,940,900,828         | 17,926,646,140         |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.13        | 7,811,096,788          | 5,556,041,168          |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        | V.14        | 8,966,400,101          | 7,823,991,703          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.15        | 1,097,174,649          | 1,717,843,153          |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                      | -                      |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.16a       | 298,230,000            | 279,145,000            |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.17a       | 582,704,958,471        | 596,006,346,908        |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.18        | 8,413,820,272          | 2,897,785,461          |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>74,139,750,000</b>  | <b>75,889,750,000</b>  |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.16a       | 42,889,750,000         | 42,889,750,000         |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.17b       | 31,250,000,000         | 33,000,000,000         |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 01 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
|  |            |             |                          |                          |
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>305,718,214,048</b>   | <b>294,376,859,091</b>   |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> | <b>V.19</b> | <b>305,718,214,048</b>   | <b>294,376,859,091</b>   |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        |             | 80,000,000,000           | 80,000,000,000           |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 80,000,000,000           | 80,000,000,000           |
| - Cổ phiếu ưu đãi  | 411b       |             | -                        | -                        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        |             | 55,186,113,637           | 55,186,113,637           |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                        | -                        |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                        | -                        |
| 5. Cổ phiếu quỹ  | 415        |             | (11,978,525,300)         | (11,978,525,300)         |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                        | -                        |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                        | -                        |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        |             | 97,149,424,300           | 78,023,603,117           |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                        | -                        |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        |             | -                        | -                        |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        |             | 85,361,201,411           | 93,145,667,637           |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 57,816,919,943           | 93,145,667,637           |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 27,544,281,468           | -                        |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | -                        | -                        |
| 1. Nguồn kinh phí  | 431        |             | -                        | -                        |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>1,076,887,695,144</b> | <b>1,121,968,616,027</b> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2016



Nguyễn Thị Thu Hiền  
Người lập biểu



Hà Hạnh Hoa  
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 01 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****(Dạng đầy đủ)****QUÝ 01 NĂM 2016**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
|  |       |             | Năm nay                           | Năm trước             |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1a       | 827,078,143,476                   | 445,275,700,252       |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    | VI.1b       | -                                 | 118,976,948           |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    | VI.2        | 827,078,143,476                   | 445,156,723,304       |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.3        | 777,692,671,197                   | 409,017,899,910       |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 49,385,472,279                    | 36,138,823,394        |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.4        | 10,049,488,326                    | 1,683,559,893         |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.5        | 9,775,367,033                     | 10,169,675,479        |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 9,770,288,192                     | 10,145,437,551        |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | VI.6        | 6,705,807,162                     | 6,050,348,139         |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.7        | 10,259,796,752                    | 5,651,078,395         |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 32,693,989,658                    | 15,951,281,274        |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    |             | 1,730,819,156                     | 261,807               |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    |             | (5,543,021)                       | 24,498,343            |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | 1,736,362,177                     | (24,236,536)          |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 34,430,351,835                    | 15,927,044,738        |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.13        | 6,886,070,367                     | 3,503,949,842         |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -                                 | -                     |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | <u>27,544,281,468</u>             | <u>12,423,094,896</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.8        | -                                 | -                     |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.8        | -                                 | -                     |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2016

Nguyễn Thị Thu Hiền  
Người lập biểuHà Hạnh Hoa  
Kế toán trưởngNgô Hữu Hoàn  
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ****(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****QUÝ 01 NĂM 2016**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|------------------------|
|  |           |             | Năm nay                           | Năm trước              |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |             |                                   |                        |
| <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>   | <b>01</b> |             | <b>34,430,351,835</b>             | <b>15,927,044,738</b>  |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>  |           |             |                                   |                        |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02        |             | 2,292,996,754                     | 3,206,931,083          |
| - Các khoản dự phòng   | 03        |             | (2,206,191,931)                   | 186,702,158            |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |             | -                                 | -                      |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        |             | (9,944,156,104)                   | (1,477,770,832)        |
| - Chi phí lãi vay  | 06        |             | 9,770,288,192                     | 10,145,437,551         |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07        |             | -                                 | -                      |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                    | <b>08</b> |             | <b>34,343,288,746</b>             | <b>27,988,344,698</b>  |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |             | (38,455,054,776)                  | 34,938,879,488         |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        |             | 58,486,322,831                    | 23,230,233,211         |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11        |             | (47,812,836,700)                  | (78,497,970,402)       |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        |             | (57,975,771)                      | 59,708,917             |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13        |             | -                                 | -                      |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14        |             | (10,864,460,511)                  | (11,257,637,077)       |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        |             | (4,865,983,562)                   | (2,661,664,954)        |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        |             | 3,500,000                         | -                      |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        |             | (3,035,345,700)                   | (2,556,427,054)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |             | <b>(12,258,545,443)</b>           | <b>(8,756,533,173)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |             |                                   |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        |             | (2,924,690,182)                   | 3,990,825,824          |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        |             | 309,090,909                       | -                      |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        |             | -                                 | -                      |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        |             | -                                 | -                      |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25        |             | -                                 | -                      |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26        |             | -                                 | -                      |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        |             | 9,635,065,195                     | 1,477,770,832          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |             | <b>7,019,465,922</b>              | <b>5,468,596,656</b>   |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|--|-----------|-----------------------------------|-----------------------|
|  |           | Năm nay                           | Năm trước             |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |                                   |                       |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        | -                                 | -                     |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        | -                                 | -                     |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        | 764,617,942,625                   | 444,558,894,688       |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | (779,669,331,062)                 | (433,703,056,109)     |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        | -                                 | -                     |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        | (7,655,046,000)                   | (7,999,736,000)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> | <b>(22,706,434,437)</b>           | <b>2,856,102,579</b>  |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>  | <b>50</b> | <b>(27,945,513,958)</b>           | <b>(431,833,938)</b>  |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1 55,657,764,290</b>         | <b>56,852,241,536</b> |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại                                       | 61        | -                                 | -                     |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>  | <b>70</b> | <b>V.1 27,712,250,332</b>         | <b>56,420,407,598</b> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2016



Nguyễn Thị Thu Hiền  
Người lập biểu



Hà Hạnh Hoa  
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ 1 NĂM 2016

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính Công ty là: Mua bán, đại lý, ký gửi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm; Đại lý ký gửi hàng hóa. Thu mua và chế biến hàng nông, thủy, hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở); Cho thuê xe du lịch; Mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán xe ô tô; Dịch vụ khai thuê hải quan; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh bất động sản.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

##### *Công ty con*

Công ty đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam có trụ sở chính tại 451 - 453 Nguyễn Tri Phương, phường 8, quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 80%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ Quý 01 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm trước.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 64 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 64 nhân viên).

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

#### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

*Dự phòng cho các khoản tổn thất đầu tư vào công ty con và công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con và công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

### *Chi phí trả trước dài hạn khác*

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm: chi phí sửa chữa, chi phí lắp đặt ... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 – 05 năm.

## 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 10 – 30       |
| Máy móc và thiết bị             | 04-10         |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06            |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 10            |
| Tài sản cố định khác            | 05            |



## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà cửa, vật kiến trúc thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của nhà cửa, vật kiến trúc từ 05 đến 25 năm.

### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### ***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **13. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### **14. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **16. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Nếu trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ sau.

## 17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## 18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## 22. Công cụ tài chính

### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                 | <u>Số cuối kỳ</u>            | <u>Số đầu năm</u>            |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt                        | 106,143,547                  | 476,533,928                  |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 9,078,106,785                | 45,566,230,362               |
| Các khoản tương đương tiền      | 18,528,000,000               | 9,615,000,000                |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>27,712,250,332</u></b> | <b><u>55,657,764,290</u></b> |

### **2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

#### **2a. Chứng khoán kinh doanh**

Công ty đã mua 4.000.000 cổ phiếu tỷ lệ 40% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Khải Huy Quân với giá mua là 40.000.000.000 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### **2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác chỉ có khoản đầu tư góp vốn vào vào công ty con – Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306489067 ngày 15 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam 2.400.000.000 VND, tương đương 80% vốn điều lệ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Tình hình hoạt động của công ty con*

Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

*Giao dịch với công ty con*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam như sau:

|              | <u>Quý 1/2016</u> | <u>Quý 1/2015</u> |
|--------------|-------------------|-------------------|
| Mua hàng hóa | 57,362,320        | -                 |
| Bán hàng hóa | 6,074,087,386     | 7,102,008,066     |
| Cho thuê kho | 166,453,228       | 133,090,909       |

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>                | <b>-</b>              | <b>17,343,610,776</b> |
| Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam                   | -                     | 17,343,610,776        |
| <b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>              | <b>87,366,222,212</b> | <b>74,486,890,174</b> |
| Công ty cổ phần sản xuất và thương mại thép Nguyễn Minh | 30,998,918,111        | 41,302,900,886        |
| Công ty cổ phần Tập đoàn thép Nguyễn Minh               | 52,725,509,000        | 21,122,164,124        |
| Các khách hàng khác                                     | 3,641,795,101         | 12,061,825,164        |
| <b>Cộng</b>   | <b>87,366,222,212</b> | <b>91,830,500,950</b> |

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b><i>Trả trước cho các bên liên quan</i></b>       | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam               | -                     | -                     |
| <b><i>Trả trước cho người bán khác</i></b>          | <b>32,753,238,276</b> | <b>17,543,165,940</b> |
| ZHEJIANG MATERIALS INDUSTRY INTERNATIONAL CO., LTD  | 12,287,057,276        | -                     |
| Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh | 15,048,100,000        | 15,048,100,000        |
| Nguyễn Thị Thu Hương                                | 5,078,580,000         | -                     |
| Các khách hàng khác                                 | 339,501,000           | 2,495,065,940         |
| <b>Cộng</b>   | <b>32,753,238,276</b> | <b>17,543,165,940</b> |

**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>    |                 | <u>Số đầu năm</u>    |                 |
|---|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
|   | <u>Giá trị</u>       | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u>       | <u>Dự phòng</u> |
| <b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>                                | <b>3,212,620,774</b> | <b>-</b>        | <b>3,348,870,361</b> | <b>-</b>        |
| Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam - Phải thu về lãi chậm thanh toán | -                    | -               | 136,249,587          | -               |
| Công ty TNHH công nghệ phẩm   |                      |                 |                      |                 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|   | Số cuối kỳ           |          | Số đầu năm           |          |
|---|----------------------|----------|----------------------|----------|
|   | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
| Thiên Nam - Phải thu lãi góp vốn                  | 3,212,620,774        | -        | 3,212,620,774        | -        |
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác (10%)</b> | <b>675,853,950</b>   | -        | <b>817,833,070</b>   | -        |
| Phải thu hoạt động đầu tư                         | -                    | -        | -                    | -        |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác                  | 675.853.950          | -        | 817.833.070          | -        |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>3,888,474,724</b> | -        | <b>4.166.703.431</b> | -        |

**5b. Phải thu dài hạn khác**

|   | Số cuối kỳ             |          | Số đầu năm            |          |
|---|------------------------|----------|-----------------------|----------|
|   | Giá trị                | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
| <b>Phải thu bên liên quan</b>   | -                      | -        | -                     | -        |
| <b>Phải thu các tổ chức khác</b>  | <b>117.505.000.000</b> | -        | <b>90.005.000.000</b> | -        |
| Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh - Phải thu hoạt động đầu tư | 117.500.000.000        | -        | 90.000.000.000        | -        |
| Các khoản phải thu dài hạn khác   | 5.000.000              | -        | 5.000.000             | -        |
| <b>Cộng</b>   | <b>117.505.000.000</b> | -        | <b>90.005.000.000</b> | -        |

**6. Nợ xấu**

Công ty có khoản phải thu Công ty cổ phần tập đoàn Thành Nam về tiền hàng với số tiền 1.633.831.749 VND đã quá hạn trên 3 năm. Đến thời điểm 31/03/2016 Công ty đã thu hồi khoản nợ này.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

|                            | Quý này         |
|----------------------------|-----------------|
| Số đầu năm                 | (1.633.831.749) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | -               |
| Hoàn nhập dự phòng         | 1.633.831.749   |
| <b>Số cuối kỳ</b>          | <b>-</b>        |

**7. Hàng tồn kho**

|                             | Số cuối kỳ             |          | Số đầu năm             |                      |
|-----------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------------------|
|                             | Giá gốc                | Dự phòng | Giá gốc                | Dự phòng             |
| Hàng mua đang đi trên đường | -                      | -        | 90.852.709.290         | -                    |
| Nguyên liệu, vật liệu       | 233.246.521.656        | -        | 205.060.281.000        | -                    |
| Hàng hóa                    | 382.451.914.433        | -        | 378.271.768.630        | (572.360.182)        |
| <b>Cộng</b>                 | <b>615.698.436.089</b> | -        | <b>674.184.758.920</b> | <b>(572.360.182)</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá cho hàng hóa tồn kho như sau:

|                            | <u>Quý này</u> |
|----------------------------|----------------|
| Số đầu năm                 | (572.360.182)  |
| Trích lập dự phòng bổ sung | -              |
| Hoàn nhập dự phòng         | 572.360.182    |
| <b>Số cuối kỳ</b>          | <b>-</b>       |

**8. Tài sản cố định hữu hình**

|                       | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Tài sản cố định khác</u> | <u>Cộng</u>           |
|-----------------------|-------------------------------|----------------------------|--|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>     |                               |                            |  |                                  |                             |                       |
| Số đầu năm            | 11.498.803.834                | 20.838.506.433             | 6.793.234.696                          | 55.778.000                       | 30.065.250                  | 39.216.388.213        |
| Mua sắm TSCĐ trong kỳ | -                             | -                          | 2.924.690.182                          | -                                | -                           | 2.924.690.182         |
| Thanh lý TSCĐ         |                               |                            | (419.484.429)                          |                                  |                             | (419.484.429)         |
| <b>Số cuối kỳ</b>     | <b>11.498.803.834</b>         | <b>20.838.506.433</b>      | <b>9.298.440.449</b>                   | <b>55.778.000</b>                | <b>30.065.250</b>           | <b>41.721.593.966</b> |

*Trong đó:*

|                                       |               |             |             |            |            |               |
|---------------------------------------|---------------|-------------|-------------|------------|------------|---------------|
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 1.152.429.369 | 286.380.952 | 834.179.104 | 55.778.000 | 30.065.250 | 2.358.832.675 |
| Chờ thanh lý                          | -             | -           | -           | -          | -          | -             |

**Giá trị hao mòn**

|                   |                      |                      |                      |                   |                   |                       |
|-------------------|----------------------|----------------------|----------------------|-------------------|-------------------|-----------------------|
| Số đầu năm        | 4.408.227.871        | 8.115.801.106        | 3.374.900.897        | 55.778.000        | 30.065.250        | 15.984.773.124        |
| Khấu hao trong kỳ | 208,329,606          | 720,430,290          | 285,339,100          | -                 | -                 | 1,214,098,996         |
| Thanh lý TSCĐ     |                      |                      | (419.484.429)        |                   |                   | (419.484.429)         |
| <b>Số cuối kỳ</b> | <b>4,616,557,477</b> | <b>8,836,231,396</b> | <b>3,240,755,568</b> | <b>55,778,000</b> | <b>30,065,250</b> | <b>16,779,387,691</b> |

**Giá trị còn lại**

|                   |                      |                       |                      |          |          |                       |
|-------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|----------|----------|-----------------------|
| Số đầu năm        | 7,090,575,963        | 12,722,705,327        | 3,418,333,799        | -        | -        | 23,231,615,089        |
| <b>Số cuối kỳ</b> | <b>6,882,246,357</b> | <b>12,002,275,037</b> | <b>6,057,684,881</b> | <b>-</b> | <b>-</b> | <b>24,942,206,275</b> |

Một phần Công trình Cao ốc văn phòng tại 111-121 Ngô Gia Tự, phường 02, quận 10, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh.

**9. Tài sản cố định vô hình**

|                   | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Chương trình phần mềm</u> | <u>Cộng</u>           |
|-------------------|--------------------------|------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b> |                          |                              |                       |
| Số đầu năm        | 27.875.468.417           | 231.000.000                  | 28.106.468.417        |
| <b>Số cuối kỳ</b> | <b>27.875.468.417</b>    | <b>231.000.000</b>           | <b>28.106.468.417</b> |
| <i>Trong đó:</i>  |                          |                              |                       |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|                                       | <b>Quyền sử dụng<br/>đất</b> | <b>Chương trình<br/>phần mềm</b> | <b>Cộng</b>           |
|---------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|-----------------------|
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | -                            | -                                | -                     |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                              |                                  |                       |
| Số đầu năm                            | 960.706.605                  | 200.200.004                      | 1.160.906.609         |
| Khấu hao trong kỳ                     | -                            | 19.250.001                       | 19.250.001            |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>960.706.605</b>           | <b>219.450.005</b>               | <b>1.180.156.610</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                              |                                  |                       |
| Số đầu năm                            | 26,914,761,812               | 30,799,996                       | 26,945,561,808        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>26,914,761,812</b>        | <b>11,549,995</b>                | <b>26,926,311,807</b> |

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình.

**10. Bất động sản đầu tư**

|                   | <b>Nguyên giá</b>      | <b>Giá trị hao mòn</b> | <b>Giá trị còn lại</b> |
|-------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm        | 107.054.750.832        | 12.203.136.484         | 94.851.614.348         |
| Khấu hao trong kỳ |                        | 1.059.647.757          |                        |
| <b>Số cuối kỳ</b> | <b>107.054.750.832</b> | <b>13.262.784.241</b>  | <b>93.791.966.591</b>  |

Trong đó, nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng là 1.231.010.009 VND.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

|   | <b>Nguyên giá</b>      | <b>Hao mòn lũy kế</b> | <b>Giá trị còn lại</b> |
|---|------------------------|-----------------------|------------------------|
| Nhà số 451-453 Nguyễn Tri Phương, quận 10, TP. Hồ Chí Minh            | 319.466.405            | 305.050.259           | 14.416.146             |
| Nhà số 01-03 Ngô Gia Tự, quận 10, TP. Hồ Chí Minh                     | 225.346.533            | 139.339.253           | 86.007.280             |
| Nhà số 355-365 Ngô Gia Tự, quận 10, TP. Hồ Chí Minh                   | 1.381.306.741          | 672.542.928           | 708.763.813            |
| Tòa nhà cao ốc 277B Cách Mạng Tháng 8, quận 10, TP. Hồ Chí Minh       | 80.124.070.289         | 5.474.117.675         | 74.649.952.614         |
| Nhà số 192-198 Ngô Gia Tự, quận 10, TP. Hồ Chí Minh                   | 2.150.733.750          | 1.602.548.576         | 548.185.174            |
| Nhà số 07-09 Lý Thái Tổ, quận 10, TP. Hồ Chí Minh                     | 59.117.794             | 59.117.794            | -                      |
| Tòa nhà cao ốc văn phòng 111-121 Ngô Gia Tự, quận 10, TP. Hồ Chí Minh | 22.794.709.320         | 5.010.067.756         | 17.784.641.564         |
| <b>Cộng</b>   | <b>107.054.750.832</b> | <b>13.262.784.241</b> | <b>93.791.966.591</b>  |



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Một số bất động sản đầu tư có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.926.119.679 VND và 809.187.239 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Một số bất động sản đầu tư có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 22.794.709.320 VND và 17.784.641.564 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10.

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|---|------------------------------|-------------------------------|
| CARGILL INTERNATIONAL TRADING           | -                            | 23,977,601,200                |
| HANGZHOU CIEC INTERNATIONAL             | -                            | 18,816,555,785                |
| HONGKONG GRAND INTERNATIONAL            | -                            | 9,041,119,541                 |
| SUMEC INTERNATIONAL TECHNOLOGY CO., LTD | -                            | 7,558,520,323                 |
| METAL ONE CORPORATION                   | 28,186,247,656               | 28,186,247,656                |
| WIN FAITH TRADING LIMITED               | -                            | 20,353,266,886                |
| Các khách hàng khác                     | 610,902,331                  | 11,560,896,012                |
| <b>Cộng</b>                             | <b><u>28,797,149,987</u></b> | <b><u>119,494,207,403</u></b> |

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>            | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <b><i>Trả trước của các bên liên quan</i></b> | <b><i>13,000,000,000</i></b> | <b><i>-</i></b>              |
| Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam         | 13,000,000,000               | -                            |
| <b><i>Trả trước cho người bán khác</i></b>    | <b><i>45,940,900,828</i></b> | <b><i>17,926,646,140</i></b> |
| Ông Lê Hữu Trung                              | 3,320,100,000                | 3,320,100,000                |
| Ông Nguyễn Minh Viễn                          | 2,347,191,000                | 2,347,191,000                |
| Bà Trần Ngọc Linh                             | 2,529,030,000                | 2,529,030,000                |
| Công ty TNHH Hoàng Sa                         | 7,225,500,821                |                              |
| Công ty CP Đầu tư.Khang Duy                   | 8,040,237,110                |                              |
| Các khách hàng khác                           | 22,478,841,897               | 9,730,325,140                |
| <b>Cộng</b>                                   | <b><u>58,940,900,828</u></b> | <b><u>17,926,646,140</u></b> |

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                            | <u>Số đầu năm</u> |                 | <u>Số phát sinh trong kỳ</u> |                  | <u>Số cuối kỳ</u> |                 |
|----------------------------|-------------------|-----------------|------------------------------|------------------|-------------------|-----------------|
|                            | <u>Phải nộp</u>   | <u>Phải thu</u> | <u>Số phải nộp</u>           | <u>Số đã nộp</u> | <u>Phải nộp</u>   | <u>Phải thu</u> |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | -                 | -               | -                            | -                | -                 | -               |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu   | -                 | -               | 16,539,786,930               | (16,539,786,930) | -                 | -               |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|                            |                      |          |                       |                         |                      |          |
|----------------------------|----------------------|----------|-----------------------|-------------------------|----------------------|----------|
| Thuế tiêu thụ đặc biệt     | -                    | -        | 21,390,921            | (21,390,921)            | -                    | -        |
| Thuế xuất, nhập khẩu       | -                    | -        | 449,297,425           | (449,297,425)           | -                    | -        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 4,865,983,562        | -        | 6,886,070,367         | (4,865,983,562)         | 6,886,070,367        | -        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 690,057,606          | -        | 2,080,421,254         | (1,845,452,439)         | 925,026,421          | -        |
| Thuế trước bạ              | -                    | -        | 291,316,000           | (291,316,000)           | -                    | -        |
| Các loại thuế khác         | -                    | -        | 3,000,000             | (3,000,000)             | -                    | -        |
| <b>Cộng</b>                | <b>5,556,041,168</b> | <b>-</b> | <b>26,271,282,897</b> | <b>(24,016,227,277)</b> | <b>7,811,096,788</b> | <b>-</b> |

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế tiêu thụ đặc biệt**

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh rượu với thuế suất 25%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|  | <u>Quý 1/2016</u>    | <u>Quý 1/2015</u>    |
|--|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 34,430,351,835       | 17,227,454,367       |
| Lợi nhuận của chi nhánh trước thuế   |                      | (1.300.409.629)      |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                      |                      |
| - Các khoản điều chỉnh tăng khác   | -                    | -                    |
| - Các khoản điều chỉnh giảm khác   | -                    | -                    |
| Thu nhập chịu thuế   | 34,430,351,835       | 15,927,044,738       |
| Thu nhập được miễn thuế  | -                    | -                    |
| Thu nhập tính thuế   | 34,430,351,835       | 15,927,044,738       |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 20%                  | 22%                  |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>   | <b>6,886,070,367</b> | <b>3,503,949,842</b> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

## Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo thông báo của Chi Cục thuế.

## Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

### 14. Phải trả người lao động

Tổng quỹ lương được xác định bằng tỷ suất tiền lương trên lợi nhuận trước thuế chưa tính chi phí lương là 25% theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 26 tháng 03 năm 2016.

### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

|                                    | <u>Số cuối kỳ</u>           | <u>Số đầu năm</u>           |
|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả           | -                           | 1,094,172,319               |
| Chi phí xây dựng                   | 434,600,001                 | 434,600,001                 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 662,574,648                 | 189,070,833                 |
| <b>Cộng</b>                        | <b><u>1,097,174,649</u></b> | <b><u>1,717,843,153</u></b> |

### 16. Phải trả khác

#### 16a. Phải trả ngắn hạn khác

|                                  | <u>Số cuối kỳ</u>         | <u>Số đầu năm</u>         |
|----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn    | 140,220,000               | 119,450,000               |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả       | 8,010,000                 | 8,010,000                 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 150,000,000               | 151,685,000               |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>298,230,000</u></b> | <b><u>279,145,000</u></b> |

#### 16b. Phải trả dài hạn khác

|   | <u>Số cuối kỳ</u>            | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Công ty TNHH thương mại dịch vụ Thiên Nam Hòa - Nhận ký quỹ dài hạn | 38.000.000.000               | 38.000.000.000               |
| Các đối tượng khác - Nhận ký quỹ dài hạn                            | 4.889.750.000                | 4.889.750.000                |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>42.889.750.000</u></b> | <b><u>42.889.750.000</u></b> |

#### 16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17. Vay và nợ thuê tài chính****17a. Vay ngắn hạn**

|  | Số cuối kỳ             |                        | Số đầu năm             |                        |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|  | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  |
| <b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>            | <b>582,704,958,471</b> | <b>582,704,958,471</b> | <b>596,006,346,908</b> | <b>596,006,346,908</b> |
| Vay ngắn hạn ngân hàng   | 571,379,958,471        | 571,379,958,471        | 583,601,346,908        | 583,601,346,908        |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình (i)   | 99,100,000,000         | 99,100,000,000         | 93,970,000,000         | 93,970,000,000         |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh (ii) | 186,658,856,400        | 186,658,856,400        | 218,851,527,535        | 218,851,527,535        |
| - Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (ii)   | 115,099,553,063        | 115,099,553,063        | 148,225,836,905        | 148,225,836,905        |
| - Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Lý Thường Kiệt (ii) | 74,607,927,418         | 74,607,927,418         | 38,503,982,468         | 38,503,982,468         |
| - Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (ii)                                     | 40,270,173,700         | 40,270,173,700         | 51,400,000,000         | 51,400,000,000         |
| - Ngân hàng Indovina - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh  | 7,000,000,000          | 7,000,000,000          | 5,000,000,000          | 5,000,000,000          |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh          | 20,548,432,650         | 20,548,432,650         | 27,650,000,000         | 27,650,000,000         |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần hàng Hải - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh                      | 28,095,015,240         | 28,095,015,240         | -                      | -                      |
| Vay ngắn hạn các cá nhân   | 4,325,000,000          | 4,325,000,000          | 5,405,000,000          | 5,405,000,000          |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.33b)                                       | 7,000,000,000          | 7,000,000,000          | 7,000,000,000          | 7,000,000,000          |
| <b>Cộng</b>  | <b>582,704,958,471</b> | <b>582,704,958,471</b> | <b>596,006,346,908</b> | <b>596,006,346,908</b> |

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cụ thể theo từng lần vay thực tế. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.9).
- (ii) Khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cụ thể theo từng lần vay thực tế. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Công trình Cao ốc văn phòng tại 111-121 Ngô Gia Tự, phường 02, quận 10, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.8 và V.10).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cụ thể theo từng lần vay thực tế. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số bất động sản đầu tư (xem thuyết minh số V.10).



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (iv) Các khoản vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cụ thể theo từng lần vay thực tế và không có tài sản đảm bảo.
- (v) Vay ngắn hạn các cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0,58%/tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

|                          | <u>Số đầu năm</u>             | <u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u>             |
|--------------------------|-------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng   | 583,601,346,908               | 761,202,942,625                       | -                                | (773,424,331,062)                  | 571,379,958,471               |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 5,405,000,000                 | 3,415,000,000                         | -                                | (4,495,000,000)                    | 4,325,000,000                 |
| Vay dài hạn đến hạn trả  | 7,000,000,000                 | -                                     | 1,750,000,000                    | (1,750,000,000)                    | 7,000,000,000                 |
| <b>Cộng</b>              | <b><u>596,006,346,908</u></b> | <b><u>764,617,942,625</u></b>         | <b><u>1,750,000,000</u></b>      | <b><u>(779,669,331,062)</u></b>    | <b><u>582,704,958,471</u></b> |

**17b. Vay dài hạn**

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10 để thanh toán cho các chi phí đầu tư dự án cửa hàng kinh doanh và văn phòng với lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng tại từng thời kỳ, thời hạn vay 90 tháng. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai tại 277B Cách Mạng Tháng Tám, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Công ty có khả năng trả khoản nợ vay này.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

|                        | <u>Số cuối kỳ</u>            | <u>Số đầu năm</u>            |
|------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống    | 7,000,000,000                | 7.000.000.000                |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 31,250,000,000               | 33.000.000.000               |
| <b>Cộng</b>            | <b><u>38,250,000,000</u></b> | <b><u>40.000.000.000</u></b> |

Chi tiết phát sinh khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10 như sau:

|  | <u>Quý 1/2016</u>            |
|--|------------------------------|
| Số đầu năm                             | 33,000,000,000               |
| Số tiền vay phát sinh                  | -                            |
| Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả | (1,750,000,000)              |
| <b>Số cuối kỳ</b>                      | <b><u>31,250,000,000</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                                   | Số đầu năm           | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Tăng khác        | Chi quỹ trong kỳ       | Số cuối kỳ           |
|-----------------------------------|----------------------|--------------------------------|------------------|------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng                   | 3,276,558,099        | 4,590,197,084                  | -                | (1.956.053.285)        | 5,910,701,898        |
| Quỹ phúc lợi                      | 281,803,317          | 1,967,227,321                  | 3,500,000        | (317.702.400)          | 1,934,828,238        |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | (660,575,955)        | 1,639,356,101                  | -                | (410.490.010)          | 568,290,136          |
| <b>Cộng</b>                       | <b>2,897,785,461</b> | <b>8,196,780,506</b>           | <b>3,500,000</b> | <b>(2.684.245.695)</b> | <b>8,413,820,272</b> |

**19. Vốn chủ sở hữu****19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

**19b. Cổ phiếu**

|  | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 8.000.000  | 8.000.000  |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 8.000.000  | 8.000.000  |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 8.000.000  | 8.000.000  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -          | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | (344.954)  | (344.954)  |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | (344.954)  | (344.954)  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -          | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 7.655.046  | 7.655.046  |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 7.655.046  | 7.655.046  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -          | -          |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**19c. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 26 tháng 03 năm 2016 như sau:

|   |                           |
|---|---------------------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông             | 7.655.046.000 VND         |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển             | 19.125.821.183 VND        |
| • Trích quỹ tham gia công tác xã hội      | 351.100.005 VND           |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi         | 6.557.424.405 VND         |
| • Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 1.639.356.101 VND         |
| <b>Cộng</b>                               | <b>35.328.747.694 VND</b> |

**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm 838.74 USD (số đầu năm là 838.74 USD).



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

|  | <u>Quý 1/2016</u>             | <u>Quý 1/2015</u>             |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 625,540,908,419               | 346,649,378,744               |
| Doanh thu bán thành phẩm                   | 192,974,853,650               | 90,058,287,542                |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản          | 8,562,381,407                 | 8,568,033,966                 |
| <b>Cộng</b>                                | <b><u>827,078,143,476</u></b> | <b><u>445,275,700,252</u></b> |

**1b. Các khoản giảm trừ doanh thu**

|                     | <u>Quý 1/2016</u> | <u>Quý 1/2015</u>         |
|---------------------|-------------------|---------------------------|
| Hàng bán bị trả lại | -                 | 118.976.948               |
| <b>Cộng</b>         | <b><u>-</u></b>   | <b><u>118.976.948</u></b> |

**1c. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b.

**2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|  | <u>Quý 1/2016</u>             | <u>Quý 1/2015</u>             |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 625,540,908,419               | 346,530,401,796               |
| Doanh thu bán thành phẩm                   | 192,974,853,650               | 90,058,287,542                |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản          | 8,562,381,407                 | 8,568,033,966                 |
| <b>Cộng</b>                                | <b><u>827,078,143,476</u></b> | <b><u>445,156,723,304</u></b> |

**3. Giá vốn hàng bán**

|   | <u>Quý 1/2016</u>             | <u>Quý 1/2015</u>             |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán                   | 591,154,056,745               | 319,886,590,996               |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán                 | 184,699,024,098               | 85,960,154,217                |
| Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản | 2,411,950,536                 | 2,970,472,539                 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho      | (572,360,182)                 | 200,682,158                   |
| <b>Cộng</b>                                   | <b><u>777,692,671,197</u></b> | <b><u>409,017,899,910</u></b> |

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                 | <u>Quý 1/2016</u>            | <u>Quý 1/2015</u>           |
|---------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn          | 89,856,862                   | 68,196,982                  |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn       | 25,442,175                   | 17,633,677                  |
| Thu từ hoạt động góp vốn        | 9,545,208,333                | 1,409,573,850               |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 383,563,250                  | 16,507,133                  |
| Lãi chậm thanh toán             | 5,417,706                    | 171,648,251                 |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>10,049,488,326</u></b> | <b><u>1,683,559,893</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Chi phí tài chính**

|   | <u>Quý 1/2016</u>           | <u>Quý 1/2015</u>            |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay   | 9,770,288,192               | 10,145,437,551               |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh   | 5,078,841                   | 20,837,928                   |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | -                           | 3,400,000                    |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>9,775,367,033</u></b> | <b><u>10,169,675,479</u></b> |

**6. Chi phí bán hàng**

|                                  | <u>Quý 1/2016</u>           | <u>Quý 1/2015</u>           |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 1,292,363,435               | 991,495,800                 |
| Chi phí vật liệu, bao bì         | 34,359,696                  | 48,152,232                  |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 275,964,333                 | 492,787,554                 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 4,503,351,394               | 4,186,187,628               |
| - Chi phí dịch vụ                | 734,176,129                 | 1,069,273,966               |
| - Chi phí nhận hàng tự doanh     | 2,467,075,342               | 2,284,917,585               |
| - Chi phí thuê kho, bảo trì      | 574,640,079                 | 650,933,462                 |
| - Chi phí dịch vụ ngân hàng      | 727,459,844                 | 181,062,615                 |
| Các chi phí bằng tiền khác       | 599,768,304                 | 331,724,925                 |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>6,705,807,162</u></b> | <b><u>6,050,348,139</u></b> |

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|  | <u>Quý 1/2016</u>            | <u>Quý 1/2015</u>           |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên                          | 10,413,506,496               | 4,548,365,514               |
| Chi phí vật liệu, bao bì                       | 108,924,911                  | 89,568,543                  |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định               | 290,686,162                  | 274,524,075                 |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi | (1,633,831,749)              | (13,980,000)                |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                      | 114,111,058                  | 34,861,841                  |
| Các chi phí quản lý khác                       | 966,399,874                  | 717,738,422                 |
| <b>Cộng</b>                                    | <b><u>10,259,796,752</u></b> | <b><u>5,651,078,395</u></b> |

**8. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | <u>Quý 1/2016</u>             | <u>Quý 1/2015</u>             |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nhân công                | 11,705,869,931                | 5,539,861,314                 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 181,655,191,607               | 143,634,272,779               |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2,292,996,754                 | 3,206,931,083                 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 7,804,579,550                 | 4,272,168,469                 |
| Chi phí khác                     | 617,940,706                   | 984,364,347                   |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>204,076,578,548</u></b> | <b><u>157,637,597,992</u></b> |





# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## **Công nợ với các bên liên quan khác**

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.11 và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## **3. Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty.

## **Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Thương mại, dịch vụ: mua bán sắt thép, dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.
- Kinh doanh bất động sản: cho thuê văn phòng, mặt bằng.

## **Khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

## **4. Giải trình sự chênh lệch Kết quả kinh doanh của Quý 1 năm 2016 so với Quý 1 năm 2015 như sau:**

+ Doanh thu thuần Quý 1/2016 đạt 827,078 tỷ đồng, tăng 85,80% so với Quý 1/2015 do giá thép tăng nên doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ tăng 80,52% và doanh thu bán thành phẩm tăng 114,28%

+ Lợi nhuận sau thuế Quý 1/2016 đạt 27,544 tỷ đồng, tăng 121,72% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do tăng doanh thu hoạt động tài chính và thu hồi nợ khó đòi. Trong kỳ công ty có nhận được phần lãi từ việc góp vốn với công ty Hưng Thịnh nên doanh thu hoạt động tài chính tăng 497% so với Quý 1/2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2016

Nguyễn Thị Thu Hiền  
Người lập biểu

Hà Hạnh Hoa  
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 01 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

|  | Vốn góp<br>của chủ sở hữu | Thặng dư<br>vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ            | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Lợi nhuận<br>sau thuế<br>chưa phân phối | Cộng                   |
|--|---------------------------|-------------------------|-------------------------|--------------------------|---|------------------------|
| Số dư đầu kỳ trước                                   | 80,000,000,000            | 55,186,113,637          | (2,821,300)             | 74,196,407,391           | 66,104,479,985                          | 275,484,179,713        |
| Lợi nhuận trong kỳ trước                             | -                         | -                       | -                       | -                        | 12,423,094,896                          | 12,423,094,896         |
| Trích lập các quỹ trong kỳ trước                     | -                         | -                       | -                       | 3,827,195,726            | (9,567,989,315)                         | (5,740,793,589)        |
| Chia cổ tức trong kỳ trước                           | -                         | -                       | -                       | -                        | (7,999,736,000)                         | (7,999,736,000)        |
| Mua lại cổ phiếu đã phát hành                        | -                         | -                       | -                       | -                        | -                                       | -                      |
| Trích quỹ tham gia công tác xã hội<br>trong kỳ trước | -                         | -                       | -                       | -                        | (299,978,000)                           | (299,978,000)          |
| <b>Số dư cuối kỳ trước</b>                           | <b>80,000,000,000</b>     | <b>55,186,113,637</b>   | <b>(2,821,300)</b>      | <b>78,023,603,117</b>    | <b>60,659,871,566</b>                   | <b>273,866,767,020</b> |
| Số dư đầu kỳ   | 80,000,000,000            | 55,186,113,637          | (11,978,525,300)        | 78,023,603,117           | 93,145,667,637                          | 294,376,859,091        |
| Lợi nhuận trong kỳ này                               | -                         | -                       | -                       | -                        | 27,544,281,468                          | 27,544,281,468         |
| Trích lập các quỹ trong kỳ này                       | -                         | -                       | -                       | 19,125,821,183           | (27,322,601,689)                        | (8,196,780,506)        |
| Chia cổ tức trong kỳ này                             | -                         | -                       | -                       | -                        | (7,655,046,000)                         | (7,655,046,000)        |
| Mua lại cổ phiếu đã phát hành                        | -                         | -                       | -                       | -                        | -                                       | -                      |
| Trích quỹ tham gia công tác xã hội<br>trong kỳ này   | -                         | -                       | -                       | -                        | (351,100,005)                           | (351,100,005)          |
| <b>Số dư cuối kỳ này</b>                             | <b>80,000,000,000</b>     | <b>55,186,113,637</b>   | <b>(11,978,525,300)</b> | <b>97,149,424,300</b>    | <b>85,361,201,411</b>                   | <b>305,718,214,048</b> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2016



Nguyễn Thị Thu Hiền  
Người lập biểu



Hà Hạnh Hoa  
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 01 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

|   | <u>Lĩnh vực thương<br/>mại, dịch vụ</u> | <u>Lĩnh vực kinh<br/>doanh bất động sản</u> | <u>Các khoản loại<br/>trừ</u> | <u>Cộng</u>            |
|---|---|---|-------------------------------|------------------------|
| <b>Kỳ này</b>   |   |   |                               |                        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài  | 818,515,762,069                         | 8,562,381,407                               | -                             | 827,078,143,476        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận  | -                                       | -   | -                             | -                      |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>818,515,762,069</b>                  | <b>8,562,381,407</b>                        | -                             | <b>827,078,143,476</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | 28,196,988,493                          | 4,222,879,872                               | -                             | 32,419,868,365         |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |   |   |                               | -                      |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |   |   |                               | 32,419,868,365         |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |   |   |                               | 10,049,488,326         |
| Chi phí tài chính   |   |   |                               | (9,775,367,033)        |
| Thu nhập khác   |   |   |                               | 1,730,819,156          |
| Chi phí khác  |   |   |                               | 5,543,021              |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |   |   |                               | (6,886,070,367)        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |   |   |                               | -                      |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>   |   |   |                               | <b>27,544,281,468</b>  |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>                                   | <b>2,924,690,182</b>                    | -   | -                             | <b>2,924,690,182</b>   |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>   | <b>348,397,504</b>                      | <b>1,967,628,879</b>                        | -                             | <b>2,316,026,383</b>   |
| <b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b> | -                                       | -   | -                             | -                      |



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 01 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

|   | <u>Lĩnh vực thương<br/>mại, dịch vụ</u> | <u>Lĩnh vực kinh<br/>doanh bất động sản</u> | <u>Các khoản loại<br/>trừ</u> | <u>Cộng</u>            |
|---|---|---|-------------------------------|------------------------|
| <b>Kỳ trước</b>   |   |   |                               |                        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài  | 436,588,689,338                         | 8,568,033,966                               | -                             | 445,156,723,304        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận  | -                                       | -   | -                             | -                      |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <u>436,588,689,338</u>                  | <u>8,568,033,966</u>                        | -                             | <u>445,156,723,304</u> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | <u>20,903,536,015</u>                   | <u>3,533,860,845</u>                        | -                             | <u>24,437,396,860</u>  |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |   |   |                               | -                      |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |   |   |                               | <u>24,437,396,860</u>  |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |   |   |                               | 1,683,559,893          |
| Chi phí tài chính   |   |   |                               | (10,169,675,479)       |
| Thu nhập khác   |   |   |                               | 261,807                |
| Chi phí khác  |   |   |                               | (24,498,343)           |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |   |   |                               | (3,503,949,842)        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |   |   |                               | -                      |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>   |   |   |                               | <u>12,423,094,896</u>  |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>                                   | <u>(227,912,624)</u>                    | <u>(3,762,913,200)</u>                      | -                             | <u>(3,990,825,824)</u> |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>   | <u>907,736,569</u>                      | <u>2,336,810,843</u>                        | -                             | <u>3,244,547,412</u>   |
| <b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b> | <u>186,702,158</u>                      | -   | -                             | <u>186,702,158</u>     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 01 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

|  | <b>Lĩnh vực thương mại, dịch vụ</b> | <b>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</b> | <b>Các khoản loại trừ</b> | <b>Cộng</b>              |
|--|-------------------------------------|---|---------------------------|--------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>                     |                                     |   |                           |                          |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 755,287,644,368                     | 133,982,800,444                         | -                         | 889,270,444,812          |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                                     |   |                           | 187,617,250,332          |
| <b>Tổng tài sản,</b>                   |                                     |   |                           | <b>1,076,887,695,144</b> |
| <br>                                   |                                     |   |                           |                          |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | 658,539,934,439                     | 96,396,619,597                          | -                         | 754,936,554,036          |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                                     |   |                           | 16,232,927,060           |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                                     |   |                           | <b>771,169,481,096</b>   |
| <br>                                   |                                     |   |                           |                          |
| <b>Số đầu năm</b>                      |                                     |   |                           |                          |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 802,508,763,455                     | 131,397,088,282                         | -                         | 933,905,851,737          |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                                     |   |                           | 188,062,764,290          |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                                     |   |                           | <b>1,121,968,616,027</b> |
| <br>                                   |                                     |   |                           |                          |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | 720,976,845,685                     | 98,153,074,622                          | -                         | 819,129,920,307          |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                                     |   |                           | 8,461,836,629            |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                                     |   |                           | <b>827,591,756,936</b>   |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2016



**Nguyễn Thị Thu Hiền**  
Người lập biểu



**Hà Hạnh Hoa**  
Kế toán trưởng



**Ngô Hữu Hoàn**  
Tổng Giám đốc

